

**KẾ HOẠCH**

**Tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập  
thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi năm học 2021 - 2022**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức, Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;



Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2021 - 2022 đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc như sau:

## **I. NHU CẦU**

Nhằm bổ sung nhu cầu về giáo viên, nhân viên tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Số lượng người làm việc giao năm 2021 đối với sự nghiệp giáo dục và Đào tạo: **4.271** biên chế. Cụ thể:

Trường Trung cấp nghề: **51** biên chế;

Trung tâm GDNN – GDTX: **38** biên chế;

Sự nghiệp giáo dục công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Bồi dưỡng giáo dục, Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật): **4.182** biên chế;

Số lượng người làm việc hưởng lương từ Ngân sách nhà nước có mặt đến ngày 01 tháng 8 năm 2021: **3.660** người.

Dự kiến số lượng viên chức cần tuyển: **522** viên chức, gồm: **434** giáo viên và **88** nhân viên. Trong đó:

- Bậc Mầm non: **81** viên chức, gồm: **73** giáo viên và **8** nhân viên;
- Bậc Tiểu học: **261** viên chức, gồm: **218** giáo viên và **43** nhân viên;
- Bậc Trung học cơ sở: **175 viên chức**, gồm: **140** giáo viên và **35** nhân viên;
- Đơn vị trực thuộc (trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật): **05 viên chức**, gồm: **03** giáo viên và **02** nhân viên.

*(Bảng phụ lục đính kèm)*

## II. NGUYÊN TẮC

1. Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đã được duyệt.

2. Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

3. Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

4. Người đăng ký dự tuyển trực tiếp nộp hồ sơ và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật.

Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

5. Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu tuyển dụng, nếu đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm trở lên trong cùng một đơn vị sự nghiệp công lập sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển. Hồ sơ đăng ký dự tuyển không hoàn trả lại.

6. Không thực hiện bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau.



7. Người đứng đầu cơ quan được giao quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và chịu trách nhiệm về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ.

### **III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật lao động;
- c) Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- e) Có văn bằng, kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, trường hợp người học tập được đào tạo theo hệ thống tín chỉ bằng điểm học tập theo thang điểm 4 phải có bản quy đổi về thang điểm 10 của cơ sở đào tạo, cấp bằng. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- f) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;

2. Người dự tuyển các chức danh phải đạt trình độ chuẩn theo quy định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển.

#### **2. Tiêu chuẩn cụ thể của từng vị trí việc làm**

##### **2.1 Các chức danh giáo viên**

##### **2.1.1 Dự tuyển Giáo viên mầm non hạng III – Mã số V.07.02.26**

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên;

Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

*Lưu ý: Đối với giáo viên mầm non mới được tuyển dụng vào giáo viên mầm non hạng III thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.*

##### **2.1.2 Dự tuyển Giáo viên tiểu học hạng III – Mã số V.07.03.29**

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy



định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

*Lưu ý: Đối với giáo viên tiểu học mới được tuyển dụng vào giáo viên tiểu học hạng III thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.*

### **2.1.3 Dự tuyển Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32**

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

*Lưu ý: Đối với giáo viên trung học cơ sở mới được tuyển dụng vào giáo viên trung học cơ sở hạng III thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.*

### **2.1.4 Dự tuyển Giáo viên trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật:**

Có bằng cử nhân chuyên ngành Giáo dục đặc biệt hoặc cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;



*Lưu ý: Đối với giáo viên tiểu học mới được tuyển dụng vào giáo viên tiểu học hạng III thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.*

### **2.1.5 Đối với Tổng phụ trách Đội:**

Ngoài các tiêu chuẩn của Giáo viên còn phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tại Điều 4, Chương II của Quy định kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2.2 Các chức danh nhân viên**

### **2.2.1 Dự tuyển viên chức Văn thư viên trung cấp - Mã số: 02.008<sup>1</sup>**

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

### **2.2.2. Dự tuyển viên chức Thư viện viên hạng IV - Mã số: V.10.02.07<sup>2</sup>**

Tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

### **2.2.3 Dự tuyển viên chức Thiết bị – thí nghiệm - Mã số: V.07.07.20<sup>3</sup>**

Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

<sup>1</sup> Căn cứ Điều 12 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

<sup>2</sup> Căn cứ Khoản 2, Điều 6 Thông tư Liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

<sup>3</sup> Căn cứ Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;



Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên thiết bị, thí nghiệm.

#### **2.2.4 Dự tuyển viên chức Quản trị viên hệ thống hạng IV - Mã số: V11.06.15<sup>4</sup>**

Có bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT trở lên.

Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Quản trị viên hệ thống hạng IV.

#### **Lưu ý:**

Đối với vị trí nhân viên kế toán, nhân viên y tế trường học: tạm thời dừng tuyển dụng vào viên chức theo chỉ đạo tại Công văn số 2378/VPCP-KGVX ngày 08/4/2015 của Văn phòng Chính phủ cho đến khi có văn bản mới.

*\* Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:*

Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

#### *\* Lưu ý:*

Căn cứ Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định giá trị Chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C tương đương với Khung tham chiếu Châu Âu 6 bậc, Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và Công văn số 3473/GDĐT-TC ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học,

Đối với trình độ Ngoại ngữ được thực hiện quy đổi như sau:

| Khung<br>NLNN<br>bậc VN<br>(TT<br>01/2014/<br>TT-<br>BGDĐT) | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh) |                                                            |       |                    |     |        |       |     |     |       |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------|--------------------|-----|--------|-------|-----|-----|-------|
|                                                             | Chứng<br>chỉ<br>Tiếng<br>Anh<br>theo QĐ<br>177 <sup>5</sup>      | Chứng<br>chỉ<br>Tiếng<br>Anh<br>theo QĐ<br>66 <sup>6</sup> | IELTS | GE                 | BEC | BULATS | TOEFL |     |     | TOEIC |
|                                                             |                                                                  |                                                            |       |                    |     |        | PBT   | CBT | iBT |       |
| Bậc 1                                                       | Trình độ<br>A                                                    | A1                                                         | 2.0   | Preliminary<br>KET |     |        |       |     |     | 120   |

<sup>4</sup> Căn cứ Công văn số 5297/SNV-CCVC ngày 18/12/2020 của Sở Nội vụ Thành phố và Thông tư Liên tịch số 29/2020/TT-BTTTT ngày 28/10/2020.

<sup>5</sup> Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A,B,C;

<sup>6</sup> Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;



|              |            |    |           |                 |                      |    |     |     |    |     |
|--------------|------------|----|-----------|-----------------|----------------------|----|-----|-----|----|-----|
| <b>Bậc 2</b> | Trình độ B | A2 | 3.0       | Preliminary PET |                      | 20 |     |     | 40 | 225 |
| <b>Bậc 3</b> | Trình độ C | B1 | 4 - 4.5   | FCE             | Business Preliminary | 40 | 450 | 133 | 45 | 450 |
| <b>Bậc 4</b> |            | B2 | 5 - 6     | CAE             | Business Vantage     | 60 | 500 | 173 | 61 | 600 |
| <b>Bậc 5</b> |            | C1 | 6.5 - 7.5 | CPE             | Business Higher      | 75 |     |     | 90 | 850 |
| <b>Bậc 6</b> |            | C2 | 8 - 9     |                 |                      | 90 |     |     |    |     |

| Khung NLNN 6 bậc | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác) |                          |                        |             |            |             |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------|------------|-------------|
|                  | Tiếng Nga                                                             | Tiếng Pháp               | Tiếng Đức              | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn   |
| <b>Bậc 1</b>     | TEU                                                                   | DELTA A1                 | A1                     | HSK cấp 1   | JLPT N1    | Topik I-L1  |
| <b>Bậc 2</b>     | TBU                                                                   | DELTA A2                 | A2                     | HSK cấp 2   | JLPT N2    | Topik I-L2  |
| <b>Bậc 3</b>     | TRKI 1                                                                | DELTA B1<br>TCF niveau 3 | B1<br>ZD               | HSK cấp 3   | JLPT N3    | Topik II-L3 |
| <b>Bậc 4</b>     | TRKI 2                                                                | DELTA B2<br>TCF niveau 4 | B2<br>Test DaF level 4 | HSK cấp 4   | JLPT N4    | Topik II-L4 |
| <b>Bậc 5</b>     | TRKI 3                                                                | DALF C1                  |                        | HSK cấp 5   | JLPT N5    | Topik II-L5 |
| <b>Bậc 6</b>     | TRKI 4                                                                | DALF C2                  |                        | HSK cấp 6   | JLPT N6    | Topik II-L6 |

Căn cứ Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 của cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì 14 đơn vị được phép cấp các chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                         |
|-----|----------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh       |
| 2   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế             |
| 3   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 4   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng         |
| 5   | Trường Đại học Cần Thơ                             |
| 6   | Trường Đại học Hà Nội                              |
| 7   | Trường Đại học sư phạm Hà Nội                      |
| 8   | Trường Đại học Thái Nguyên                         |
| 9   | Trường Đại học Vinh                                |
| 10  | Học viện An ninh nhân dân                          |



|    |                                                |
|----|------------------------------------------------|
| 11 | Trường Đại học Sài Gòn                         |
| 12 | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13 | Trường Đại học Trà Vinh                        |
| 14 | Trường Đại học Văn Lang                        |

*Đối với chứng chỉ Tin học:* Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản” và Công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016”. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản và chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin được cấp từ 177 đơn vị theo căn cứ Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

##### **1. Thành phần hồ sơ <sup>7</sup>**

Người dự tuyển phải chuẩn bị 02 bộ hồ sơ (trong đó gồm 01 bộ hồ sơ nộp xét tuyển viên chức và 01 bộ hồ sơ nộp tại đơn vị được phân công công tác sau khi có kết quả trúng tuyển). Tất cả các loại hồ sơ phải được sao y trên khổ giấy loại A4 để tránh thất lạc và sắp xếp theo thứ tự, và cho vào chung bìa sơ-mi có nút. Hồ sơ của người dự tuyển gồm có:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP;

b) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

Nếu văn bằng của thí sinh do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực theo quy định, đồng thời phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam chứng nhận<sup>8</sup>;

<sup>7</sup> Đối chiếu Điều 2 Thông tư số 15/2012/TT-BNV.

<sup>8</sup> Đối chiếu Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.



d) Giấy chứng nhận sức khỏe;

đ) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực;

e) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

g) 02 (hai) hình 4x6 (có ghi họ và tên, ngày, tháng, năm sinh mặt sau hình);

h) 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ người nhận; số điện thoại của người tham gia dự tuyển.

*\* Đối với ứng viên đã có quá trình công tác phù hợp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có tham gia đóng BHXH và chưa lãnh trợ cấp BHXH một lần, bổ sung:*

*Quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động;*

*Sổ Bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của Bảo hiểm xã hội;*

*Quyết định lương hiện hưởng khi nghỉ việc;*

*Giấy công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp quận, huyện trở lên;*

## **2. Lưu ý khi nhận hồ sơ**

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

Chỉ nhận hồ sơ khi thí sinh có đủ giấy tờ theo quy định tại Phần 1, Mục IV.

Trường hợp thí sinh đang hợp đồng với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã thì phải được Thủ trưởng các cơ quan đó đánh giá ***hoàn thành nhiệm vụ và có văn bản đồng ý cho thí sinh tham gia dự thi.*** Mọi trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả và xử lý theo quy định. Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ ưu tiên sau khi công bố kết quả tuyển dụng. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký vào **01 vị trí việc làm tại 01 đơn vị sự nghiệp có nhu cầu** và hồ sơ đăng ký dự tuyển không hoàn trả lại.

Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: **số 77, tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)** hoặc gửi theo đường bưu chính.

## **V. NỘI DUNG TUYỂN DỤNG, HÌNH THỨC, CÁCH TÍNH ĐIỂM**

### **1. Nội dung, hình thức xét tuyển viên chức**



Thông qua hình thức xét tuyển quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thực hiện theo 2 vòng:

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành theo hình thức thi: phỏng vấn kiểm tra kiến thức, thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Thời gian phỏng vấn 30 phút.

## **2. Cách tính điểm**

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

## **3. Xác định người trúng tuyển**

a) Người trúng tuyển viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi phải có đủ các điều kiện sau:

Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

d) Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp phỏng vấn và quyết định người trúng tuyển.

đ) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

e) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

## **VI. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC<sup>9</sup>**

<sup>9</sup> Đối chiếu Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.



a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

## **VII. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

Theo Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đúng thành phần theo quy định.

Nhiệm vụ của Hội đồng tuyển dụng viên chức thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

## **VIII. THÔNG BÁO KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện danh sách, kết quả điểm xét tuyển vòng 2.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

## **IX. HOÀN THIỆN HỒ SƠ TUYỂN DỤNG, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC VÀ NHẬN VIỆC**

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);



Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, Cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

3. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được đồng ý gia hạn.

5. Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn quy định thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức đề nghị Ủy ban nhân dân huyện hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại điểm 5.2 hoặc trường hợp quy định tại điểm 5.5 khoản này.

## **X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Đăng thông báo Kế hoạch tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi năm học 2021 – 2022 công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng.

Đăng tải Kế hoạch tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử huyện, Cổng thông tin Điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và thực hiện niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các Trường công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện.



Phát thanh rộng rãi nội dung Kế hoạch tuyển dụng trong thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

Thời gian dự kiến thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi năm học 2021 – 2022 đến hết tháng 12 năm 2021.

Ghi chú: Tùy vào tình hình diễn biến của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn huyện, thời gian tổ chức xét tuyển có thể thay đổi so với dự kiến.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi năm học 2021 - 2022. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ Thành phố;
- Thường trực UBND huyện (CT, các PCT);
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đài truyền thanh huyện;
- Các Trường học trực thuộc UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PNV.2.TTMTien.3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thanh Hiền**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BẠC MÀM NON NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 7633 /KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân huyện)

| STT     | Tên trường               | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                   | Ghi chú |
|---------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
|         |                          |                             | Giáo viên nhà trẻ                    | Giáo viên mẫu giáo | Nhân viên văn thư |         |
| Tổng số |                          | 81                          | 6                                    | 67                 | 8                 |         |
| 1       | Trường MN An Nhơn Tây    | 3                           |                                      | 3                  |                   |         |
| 2       | Trường MN An Phú         | 3                           |                                      | 2                  | 1                 |         |
| 3       | Trường MN Bình Mỹ        | 9                           | 2                                    | 7                  |                   |         |
| 4       | Trường MN Hòa Phú        | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 5       | Trường MN Hoàng Minh Đạo | 3                           |                                      | 2                  | 1                 |         |
| 6       | Trường MN Nhuận Đức      | 5                           | 2                                    | 3                  |                   |         |
| 7       | Trường MN Phạm Văn Cội 1 | 2                           |                                      | 2                  |                   |         |
| 8       | Trường MN Phạm Văn Cội 2 | 0                           |                                      |                    |                   |         |
| 9       | Trường MN Phú Hòa Đông   | 0                           |                                      |                    |                   |         |
| 10      | Trường MN Phước Hiệp     | 0                           |                                      |                    |                   |         |
| 11      | Trường MN Phước Thạnh    | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |

| STT | Tên trường                  | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                   | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
|     |                             |                             | Giáo viên nhà trẻ                    | Giáo viên mẫu giáo | Nhân viên văn thư |         |
| 12  | Trường MN Phước Vĩnh An     | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 13  | Trường MN Tân An Hội 1      | 2                           |                                      | 2                  |                   |         |
| 14  | Trường MN Tân An Hội 2      | 3                           |                                      | 3                  |                   |         |
| 15  | Trường MN Tân Phú Trung 1   | 1                           |                                      |                    | 1                 |         |
| 16  | Trường MN Tân Phú Trung 2   | 5                           |                                      | 4                  | 1                 |         |
| 17  | Trường MN Tân Thạnh Đông    | 3                           |                                      | 2                  | 1                 |         |
| 18  | Trường MN Tân Thông Hội 1   | 3                           |                                      | 3                  |                   |         |
| 19  | Trường MN Tân Thông Hội 2   | 1                           |                                      |                    | 1                 |         |
| 20  | Trường MN Tân Thông Hội 3   | 5                           |                                      | 5                  |                   |         |
| 21  | Trường MN Tân Thông Hội 4   | 5                           |                                      | 4                  | 1                 |         |
| 22  | Trường MN Thái Mỹ           | 3                           |                                      | 3                  |                   |         |
| 23  | Trường MN Thị trấn Củ Chi 1 | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 24  | Trường MN Thị Trấn Củ Chi 2 | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 25  | Trường MN Thị Trấn Củ Chi 3 | 2                           |                                      | 1                  | 1                 |         |



| STT | Tên trường                 | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                   | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
|     |                            |                             | Giáo viên nhà trẻ                    | Giáo viên mẫu giáo | Nhân viên văn thư |         |
| 26  | Trường MN Trung An 1       | 8                           | 2                                    | 6                  |                   |         |
| 27  | Trường MN Trung An 2       | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 28  | Trường MN Trung Lập Hạ     | 1                           |                                      | 1                  |                   |         |
| 29  | Trường MN Trung Lập Thượng | 0                           |                                      |                    |                   |         |
| 30  | Trường MN Tân Thạnh Tây    | 6                           |                                      | 6                  |                   |         |
| 31  | Trường MN Tây Bắc          | 0                           |                                      |                    |                   |         |
| 32  | Trường MN Nguyễn Thị Dậu   | 2                           |                                      | 2                  |                   |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



**NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BẠC TIỂU HỌC NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 7633 /KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

| Stt     | Tên trường             | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   | Ghi chú |
|---------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|         |                        |                             | Giáo viên Dạy nhiều môn              | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiếng Anh tăng cường | Tổng phụ trách đội | Nhân viên thư viện, thiết bị | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên Văn thư |         |
| Tổng số |                        | 261                         | 85                                   | 14                | 15                | 16                 | 37                | 34                  | 6                              | 11                 | 21                           | 13                            | 9                 |         |
| 1       | Trường TH An Nhơn Đông | 4                           | 1                                    | 1                 |                   |                    | 1                 | 1                   |                                |                    |                              |                               |                   |         |
| 2       | Trường TH An Nhơn Tây  | 7                           | 2                                    |                   |                   |                    | 1                 | 2                   |                                | 1                  | 1                            |                               |                   |         |
| 3       | Trường TH An Phú 1     | 4                           | 3                                    |                   |                   |                    |                   |                     | 1                              |                    |                              |                               |                   |         |
| 4       | Trường TH An Phú 2     | 8                           | 2                                    |                   |                   | 1                  | 1                 | 2                   |                                |                    | 1                            |                               | 1                 |         |
| 5       | Trường TH An Phước     | 4                           |                                      |                   |                   | 1                  | 1                 |                     |                                |                    | 1                            |                               | 1                 |         |
| 6       | Trường TH Bình Mỹ      | 4                           | 1                                    |                   |                   |                    | 1                 | 1                   |                                |                    |                              |                               | 1                 |         |
| 7       | Trường TH Bình Mỹ 2    | 8                           | 3                                    | 2                 |                   |                    | 2                 |                     |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |



| Stt | Tên trường                    | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|     |                               |                             | Giáo viên Dạy nhiều môn              | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiếng Anh tăng cường | Tổng phụ trách đội | Nhân viên thư viện, thiết bị | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên Văn thư |         |
| 8   | Trường TH Hòa Phú             | 5                           | 2                                    |                   |                   |                    | 1                 | 1                   |                                |                    |                              |                               | 1                 |         |
| 9   | Trường TH Lê Thị Pha          | 3                           |                                      |                   |                   |                    | 1                 | 1                   |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |
| 10  | Trường TH Lê Văn Thế          | 4                           | 3                                    |                   | 1                 |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   |         |
| 11  | Trường TH Liên Minh Công Nông | 5                           | 2                                    |                   |                   | 1                  |                   | 1                   |                                |                    |                              | 1                             |                   |         |
| 12  | Trường TH Nguyễn Văn Lịch     | 6                           | 1                                    | 1                 |                   | 1                  | 1                 | 1                   |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |
| 13  | Trường TH Nhuận Đức           | 7                           | 3                                    | 1                 | 1                 |                    |                   |                     |                                | 1                  | 1                            |                               |                   |         |
| 14  | Trường TH Nhuận Đức 2         | 6                           | 2                                    |                   | 1                 |                    | 1                 | 1                   |                                |                    |                              |                               | 1                 |         |
| 15  | Trường TH Phạm Văn Cội        | 8                           | 3                                    |                   | 1                 | 1                  | 1                 | 1                   |                                |                    |                              | 1                             |                   |         |
| 16  | Trường TH Phú Hòa Đông        | 5                           | 3                                    |                   |                   |                    | 1                 |                     |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |



| Stt | Tên trường               | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|     |                          |                             | Giáo viên Dạy nhiều môn              | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiếng Anh tăng cường | Tổng phụ trách đội | Nhân viên thư viện, thiết bị | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên Văn thư |         |
| 17  | Trường TH Phú Hòa Đông 2 | 6                           | 3                                    | 1                 |                   |                    | 1                 |                     |                                | 1                  |                              |                               |                   |         |
| 18  | Trường TH Phú Mỹ Hưng    | 3                           | 2                                    |                   |                   |                    |                   | 1                   |                                |                    |                              |                               |                   |         |
| 19  | Trường TH Phước Hiệp     | 9                           | 2                                    |                   |                   |                    | 2                 | 2                   |                                | 1                  |                              | 1                             | 1                 |         |
| 20  | Trường TH Phước Thạnh    | 5                           |                                      |                   | 1                 |                    | 2                 |                     |                                |                    | 1                            | 1                             |                   |         |
| 21  | Trường TH Phước Vĩnh An  | 5                           | 2                                    |                   |                   |                    | 1                 | 1                   |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |
| 22  | Trường TH Tân Phú        | 15                          | 4                                    |                   | 2                 | 2                  | 1                 | 2                   | 2                              | 1                  |                              | 1                             |                   |         |
| 23  | Trường TH Tân Phú Trung  | 10                          | 2                                    | 1                 | 1                 |                    | 1                 | 2                   |                                | 1                  | 1                            | 1                             |                   |         |
| 24  | Trường TH Tân Thành      | 6                           | 1                                    |                   |                   |                    | 2                 | 1                   |                                |                    | 1                            | 1                             |                   |         |
| 25  | Trường TH Tân Thạnh Đông | 5                           | 1                                    | 1                 |                   |                    |                   | 1                   |                                |                    | 1                            | 1                             |                   |         |



| Stt | Tên trường                  | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|     |                             |                             | Giáo viên Dạy nhiều môn              | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiếng Anh tăng cường | Tổng phụ trách đội | Nhân viên thư viện, thiết bị | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên Văn thư |         |
| 26  | Trường TH Tân Thạnh Đông 2  | 5                           |                                      |                   |                   | 1                  | 2                 | 1                   |                                |                    |                              | 1                             |                   |         |
| 27  | Trường TH Tân Thạnh Đông 3  | 8                           | 4                                    |                   | 1                 |                    | 2                 |                     |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |
| 28  | Trường TH Tân Thạnh Tây     | 8                           | 4                                    |                   | 1                 | 1                  |                   |                     |                                |                    | 1                            |                               | 1                 |         |
| 29  | Trường TH Tân Thông         | 8                           | 2                                    |                   | 1                 | 1                  | 1                 |                     | 1                              |                    | 1                            | 1                             |                   |         |
| 30  | Trường TH Tân Thông Hội     | 7                           | 4                                    |                   |                   | 1                  |                   | 1                   |                                | 1                  |                              |                               |                   |         |
| 31  | Trường TH Tân Tiến          | 4                           | 2                                    | 1                 |                   |                    | 1                 |                     |                                |                    |                              |                               |                   |         |
| 32  | Trường TH Thái Mỹ           | 6                           | 3                                    |                   | 1                 |                    |                   |                     |                                | 1                  | 1                            |                               |                   |         |
| 33  | Trường TH Thị Trấn Củ Chi   | 1                           |                                      |                   |                   |                    | 1                 |                     |                                |                    |                              |                               |                   |         |
| 34  | Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 | 8                           | 3                                    | 1                 | 1                 | 1                  |                   | 1                   |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |



| Stt | Tên trường                 | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                   |                     |                                |                    |                              |                               |                   | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------|
|     |                            |                             | Giáo viên Dạy nhiều môn              | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên Tin học | Giáo viên Tiếng Anh | Giáo viên Tiếng Anh tăng cường | Tổng phụ trách đội | Nhân viên thư viện, thiết bị | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên Văn thư |         |
| 35  | Trường TH Trần Văn Châm    | 7                           |                                      | 1                 |                   | 1                  | 1                 |                     | 1                              | 1                  | 1                            |                               | 1                 |         |
| 36  | Trường TH Trung An         | 10                          | 3                                    | 1                 |                   | 1                  |                   | 2                   |                                | 1                  | 1                            | 1                             |                   |         |
| 37  | Trường TH Trung Lập Hạ     | 11                          | 6                                    |                   | 1                 |                    | 1                 | 2                   |                                |                    | 1                            |                               |                   |         |
| 38  | Trường TH Trung Lập Thượng | 7                           | 3                                    |                   |                   |                    | 1                 | 2                   |                                |                    |                              | 1                             |                   |         |
| 39  | Trường TH Nguyễn Thị Lăng  | 13                          | 1                                    | 1                 | 1                 | 1                  | 3                 | 2                   | 1                              | 1                  |                              | 1                             | 1                 |         |
| 40  | Trường TH - THCS Tân Trung | 6                           | 2                                    | 1                 |                   | 1                  | 1                 | 1                   |                                |                    |                              |                               |                   |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2021 -2022  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 7633 /KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

| STT     | Tên trường                | Tổng số<br>viên<br>chức<br>cần<br>tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
|---------|---------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|------------|
|         |                           |                                         | Giáo<br>viên<br>Văn                  | Giáo<br>viên<br>Sử | Giáo<br>viên<br>Địa | Giáo<br>viên<br>GDCD | Giáo<br>viên<br>Tiếng<br>Anh | Giáo<br>viên<br>Toán | Giáo<br>viên<br>Lí | Giáo<br>viên<br>Hóa | Giáo<br>viên<br>Sinh | Giáo<br>viên<br>KTCN | Giáo<br>viên<br>KTNC | Giáo<br>viên<br>KTNN | Giáo<br>viên<br>Thể<br>dục | Giáo<br>viên<br>Âm<br>nhạc | Giáo<br>viên<br>Mỹ<br>thuật | Giáo<br>viên<br>Tin<br>học | Tổng<br>phụ<br>trách<br>đội | Nhân<br>viên<br>Thư<br>viện | Nhân<br>viên<br>Thiết<br>bị -<br>Thí<br>nghiệm | Nhân<br>viên<br>Công<br>nghệ<br>thông<br>tin | Nhân<br>viên<br>Văn<br>thư | Ghi<br>chú |
| 1       | 2                         | 3                                       | 4                                    | 5                  | 6                   | 7                    | 8                            | 9                    | 10                 | 11                  | 12                   | 13                   | 14                   | 15                   | 16                         | 17                         | 18                          | 19                         | 20                          | 21                          | 22                                             | 23                                           | 24                         | 25         |
| Tổng số |                           | 175                                     | 25                                   | 6                  | 9                   | 2                    | 10                           | 10                   | 7                  | 3                   | 15                   | 3                    | 1                    | 1                    | 7                          | 10                         | 8                           | 15                         | 8                           | 9                           | 10                                             | 11                                           | 5                          |            |
| 1       | Trường THCS An Nhơn Tây   | 7                                       | 3                                    |                    | 1                   |                      |                              |                      |                    |                     | 1                    |                      | 1                    |                      |                            |                            |                             |                            |                             | 1                           |                                                |                                              |                            |            |
| 2       | Trường THCS An Phú        | 5                                       |                                      |                    |                     |                      | 1                            |                      |                    |                     |                      |                      |                      | 1                    |                            |                            |                             | 1                          |                             |                             |                                                | 1                                            | 1                          |            |
| 3       | Trường THCS Bình Hòa      | 14                                      | 2                                    |                    |                     |                      | 2                            | 1                    | 1                  |                     | 1                    |                      |                      |                      | 1                          | 1                          | 1                           | 1                          | 1                           | 1                           |                                                | 1                                            |                            |            |
| 4       | Trường THCS Hoà Phú       | 8                                       | 1                                    | 1                  |                     |                      |                              |                      |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      |                            | 1                          | 1                           | 1                          | 1                           |                             |                                                | 1                                            |                            |            |
| 5       | Trường THCS Nguyễn Văn Xơ | 6                                       |                                      | 1                  | 1                   |                      |                              | 1                    |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             | 1                           |                                                | 1                                            |                            |            |
| 6       | Trường THCS Nhuận Đức     | 4                                       | 1                                    |                    | 1                   |                      |                              | 1                    |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            | 1                           |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
| 7       | Trường THCS Phạm Văn Cội  | 4                                       |                                      | 1                  |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            |                             | 1                          |                             |                             | 1                                              | 1                                            |                            |            |

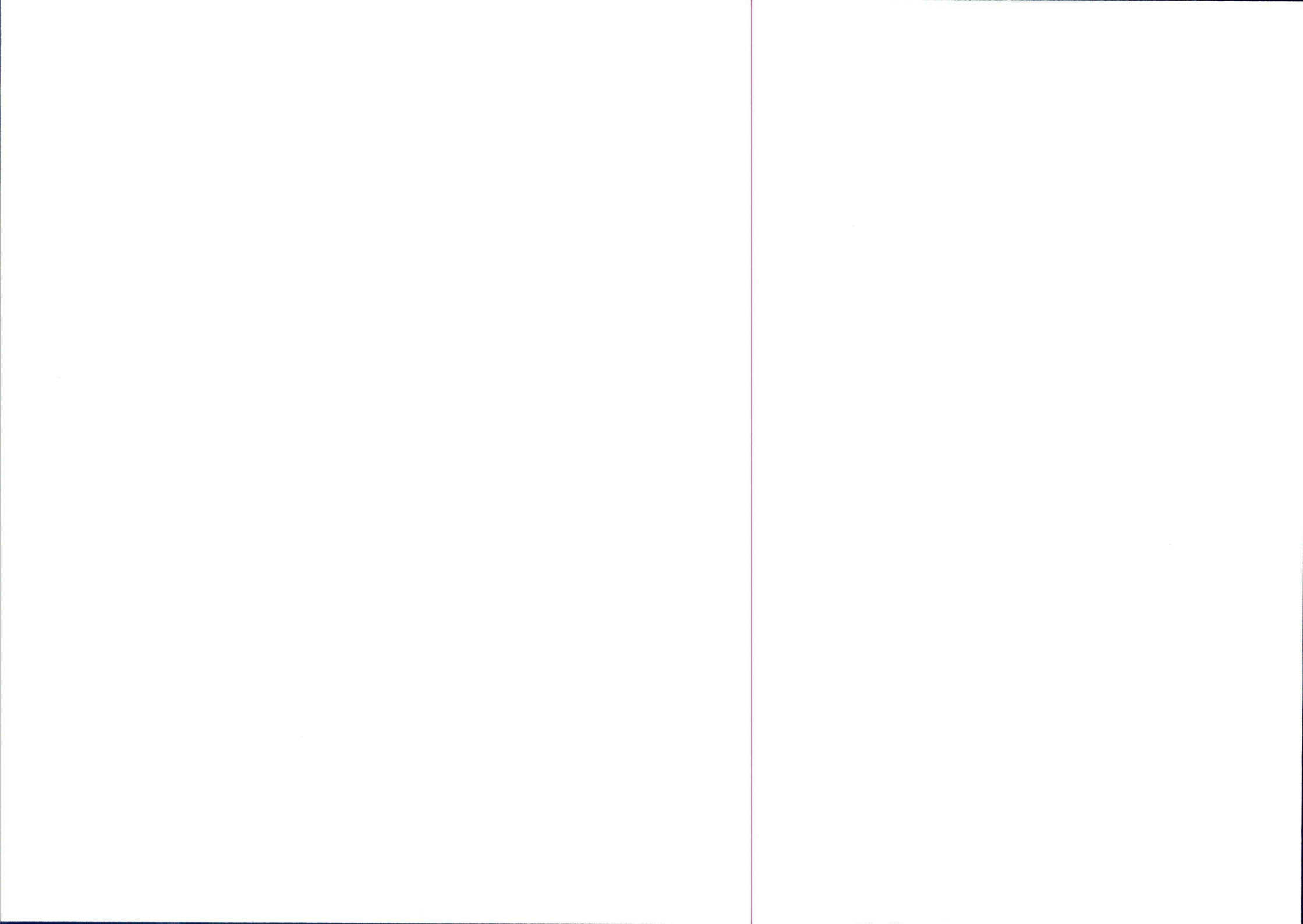
| STT | Tên trường                 | Tổng số<br>viên<br>chức<br>cần<br>tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |  |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|------------|--|
|     |                            |                                         | Giáo<br>viên<br>Văn                  | Giáo<br>viên<br>Sử | Giáo<br>viên<br>Địa | Giáo<br>viên<br>GDCD | Giáo<br>viên<br>Tiếng<br>Anh | Giáo<br>viên<br>Toán | Giáo<br>viên<br>Lí | Giáo<br>viên<br>Hóa | Giáo<br>viên<br>Sinh | Giáo<br>viên<br>KTCN | Giáo<br>viên<br>KTNC | Giáo<br>viên<br>KTNN | Giáo<br>viên<br>Thể<br>dục | Giáo<br>viên<br>Âm<br>nhạc | Giáo<br>viên<br>Mỹ<br>thuật | Giáo<br>viên<br>Tin<br>học | Tổng<br>phụ<br>trách<br>đội | Nhân<br>viên<br>Thư<br>viện | Nhân<br>viên<br>Thiết<br>bị -<br>Thí<br>nghiệm | Nhân<br>viên<br>Công<br>nghệ<br>thông<br>tin | Nhân<br>viên<br>Văn<br>thư | Ghi<br>chú |  |
| 8   | Trường THCS Phú Hòa Đông   | 5                                       |                                      |                    |                     |                      |                              |                      | 1                  |                     |                      | 1                    |                      |                      |                            | 1                          |                             |                            |                             | 1                           | 1                                              |                                              |                            |            |  |
| 9   | Trường THCS Phú Mỹ Hưng    | 9                                       |                                      |                    | 1                   |                      |                              | 1                    | 1                  |                     | 1                    | 1                    |                      |                      |                            |                            | 1                           | 1                          | 1                           |                             |                                                | 1                                            |                            |            |  |
| 10  | Trường THCS Phước Hiệp     | 8                                       |                                      |                    |                     |                      |                              | 1                    |                    | 1                   | 1                    | 1                    |                      |                      | 1                          |                            |                             | 1                          |                             | 1                           | 1                                              |                                              |                            |            |  |
| 11  | Trường THCS Phước Thạnh    | 7                                       |                                      |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      |                            | 1                          | 1                           | 2                          |                             | 1                           | 1                                              |                                              |                            |            |  |
| 12  | Trường THCS Phước Vĩnh An  | 9                                       |                                      |                    |                     |                      |                              | 1                    |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      | 1                          | 1                          | 1                           | 2                          |                             |                             | 1                                              | 1                                            |                            |            |  |
| 13  | Trường THCS Tân An Hội     | 14                                      |                                      |                    | 2                   |                      | 2                            | 1                    | 1                  |                     |                      |                      |                      |                      |                            | 1                          | 1                           | 2                          | 1                           | 1                           | 1                                              | 1                                            |                            |            |  |
| 14  | Trường THCS Tân Phú Trung  | 22                                      | 5                                    |                    | 2                   | 1                    | 2                            | 1                    | 1                  | 1                   | 1                    |                      |                      |                      |                            | 2                          | 1                           | 2                          | 1                           |                             | 1                                              | 1                                            |                            |            |  |
| 15  | Trường THCS Tân Thạnh Đông | 12                                      | 4                                    | 1                  |                     |                      | 2                            |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      | 1                          |                            |                             | 1                          | 1                           |                             | 1                                              | 1                                            |                            |            |  |
| 16  | Trường THCS Tân Thạnh Tây  | 3                                       |                                      |                    |                     |                      |                              | 1                    |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            | 1                          |                             |                            | 1                           |                             |                                                |                                              |                            |            |  |
| 17  | Trường THCS Tân Thông Hội  | 9                                       | 2                                    |                    | 1                   |                      |                              |                      | 1                  |                     |                      |                      |                      |                      | 1                          |                            |                             |                            |                             | 1                           | 1                                              | 1                                            | 1                          |            |  |





| STT | Tên trường                 | Tổng số<br>viên<br>chức<br>cần<br>tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|------------|
|     |                            |                                         | Giáo<br>viên<br>Văn                  | Giáo<br>viên<br>Sử | Giáo<br>viên<br>Địa | Giáo<br>viên<br>GDCD | Giáo<br>viên<br>Tiếng<br>Anh | Giáo<br>viên<br>Toán | Giáo<br>viên<br>Lí | Giáo<br>viên<br>Hóa | Giáo<br>viên<br>Sinh | Giáo<br>viên<br>KTCN | Giáo<br>viên<br>KTNC | Giáo<br>viên<br>KTNN | Giáo<br>viên<br>Thể<br>dục | Giáo<br>viên<br>Âm<br>nhạc | Giáo<br>viên<br>Mỹ<br>thuật | Giáo<br>viên<br>Tin<br>học | Tổng<br>phụ<br>trách<br>đội | Nhân<br>viên<br>Thư<br>viện | Nhân<br>viên<br>Thiết<br>bị -<br>Thí<br>nghiệm | Nhân<br>viên<br>Công<br>nghệ<br>thông<br>tin | Nhân<br>viên<br>Văn<br>thư | Ghi<br>chú |
| 18  | Trường THCS Tân Tiến       | 6                                       |                                      |                    |                     |                      |                              |                      | 1                  | 1                   | 1                    |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            | 1                           |                             | 1                                              |                                              | 1                          |            |
| 19  | Trường THCS Thị Trấn 2     | 6                                       | 1                                    |                    |                     |                      | 1                            |                      |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      |                            | 1                          |                             |                            |                             | 1                           |                                                |                                              | 1                          |            |
| 20  | Trường THCS Thị Trấn       | 5                                       | 1                                    | 1                  |                     |                      |                              | 1                    |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      | 1                          |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
| 21  | Trường THCS Trung An       | 3                                       | 2                                    |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      | 1                          |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
| 22  | Trường THCS Trung Lập      | 3                                       | 1                                    |                    |                     | 1                    |                              |                      |                    |                     | 1                    |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |
| 23  | Trường THCS Trung Lập Hạ   | 2                                       | 1                                    |                    |                     |                      |                              |                      |                    |                     |                      |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              | 1                          |            |
| 24  | Trường TH - THCS Tân Trung | 4                                       | 1                                    | 1                  |                     |                      |                              |                      |                    |                     | 2                    |                      |                      |                      |                            |                            |                             |                            |                             |                             |                                                |                                              |                            |            |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN





ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI

  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG  
NUÔI DẠY TRẺ EM KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 7633 /UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

| STT     | Tên trường                        | Tổng số viên chức cần tuyển | Nhu cầu viên chức cần tuyển chi tiết |                   |                   |                    |                               |                    |                   | Ghi chú |
|---------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|---------|
|         |                                   |                             | Giáo viên Tiểu học                   | Giáo viên Thể dục | Giáo viên Âm nhạc | Giáo viên Mỹ thuật | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên thư viện | Nhân viên văn thư |         |
| Tổng số |                                   | 5                           | 3                                    | 0                 | 0                 | 0                  | 1                             | 1                  | 0                 |         |
| 1       | Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật | 5                           | 3                                    |                   |                   |                    | 1                             | 1                  |                   |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN